

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2019

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lý Thị Bạch Tuyết

2/ Ông Nguyễn Văn Ba

– Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung–Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

– Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng–Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 143/2019/TLST–HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐST–HNGĐ ngày 2 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ cư trú: ấp B, S, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bị đơn: Anh Trương Quang H, sinh năm 1980.

Địa chỉ cư trú: Tổ A, khu K, thị trấn T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh Trương Quang H xây dựng gia đình vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn về kinh tế, anh H thường xuyên uống rượu nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, chung sống không hạnh phúc.

Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

– Về con chung, có 02 con chung là cháu Trương Thị Lê T, sinh ngày 07/10/2001 và cháu Trương Quang T, sinh ngày 21/9/2009. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T và cháu T, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con do chị đủ khả năng nuôi con.

– Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Quang H đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, không có lời khai của anh H tại hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đề nghị về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao cháu T và cháu T cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Trương Quang H đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung:

Chị Lê Thị T yêu cầu ly hôn anh Trương Quang H do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn về kinh tế, anh H thường xuyên uống rượu. Do bị đơn cố tình không đến Tòa án trình bày lời khai, cung cấp, giao nộp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

– Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trương Thị Lê T, sinh ngày 07/10/2001 và cháu Trương Quang T, sinh ngày 21/9/2009. Nếu ly hôn, chị T yêu cầu nuôi 02 cháu T, T, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét việc giao con cho ai nuôi cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu T, T, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của cháu T, T; chị T có thu nhập và chỗ ở ổn định, đủ điều

kiện nuôi con tốt; cháu T và cháu T có nguyện vọng chung sống với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T, cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

– Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Chị T là người nộp đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chị T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị T. Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trương Quang H.

– Về con chung: Giao cháu Trương Thị Lê T, sinh ngày 07/10/2001 và cháu Trương Quang T, sinh ngày 21/9/2009 cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng. Tạm thời anh Trương Quang H không cấp dưỡng nuôi con. Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

– Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

2/ Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001259 ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị T đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

3/ Chị Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Quang H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- CC THADS huyện Long Thành ;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thùy Trang

